

CHƯƠNG III. THƠ VĂN THỜI ĐƯỜNG TỔNG (618 - 1279)

TIẾT I: THƠ

3.1.-THƠ ĐỜI ĐƯỜNG(618-907):

3.1.1.- Sơ Đường(618-713):

Bao quát thời gian từ năm đầu niên hiệu Vũ Đức đời Đường Cao Tổ (618) đến năm đầu niên hiệu Khai Nguyên đời Đường Huyền Tông(713): nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật dần dần hình thành và phát triển, đặt nền móng cho sự hưng thịnh của thời kỳ sau.

Có 3 nội dung chính: miêu tả cuộc sống đạm bạc, bình dị của những nhân nhân dật sĩ nơi thôn dã(*phái thơ sơn thủy điền viên* - Vương Tích); ca ngợi tính chất hào hùng của kẻ nam nhi ngoài chiến địa hoặc tâm tình thương nhớ của người chinh phụ nơi phòng khuê(*phái thơ biên tái* - Dương Quýnh, Thẩm Thuyên Kỳ, Trương Cửu Linh) hoặc giải bày tâm tình hoài cổ, tình cảm bạn bè, những dằn vặt suy tư tinh tế của con người trước cuộc sống(*phái thơ trữ tình lãng mạn* - Vương Bột, Lư Chiếu Lân, Lạc Tân Vương, Tống Chi Vấn, Vi Thừa Khánh).

Thơ ca đầu thời Sơ Đường còn ít nhiều chịu ảnh hưởng phong cách diễm lệ phù hoa thời Lục Triều, đến khi Trần Tử Ngang và Trương Cửu Linh cổ vũ phong trào phục hồi “*phong cốt Hán Ngụy*” -và với sự kiện toàn của thể luật thi- thì tình ý và ngôn từ trong thơ dần dần trở nên chân thực, giản dị, làm xúc động lòng người, mở ra viễn cảnh tốt đẹp của thời Thịnh Đường.

3.1.1.1-Phái thơ sơn thủy điền viên:

-Vương Tích (585-644): Chú của Vương Bột, kế thừa phong cách thơ của Đào Tiềm thời Đông Tấn, nổi tiếng là nhà thơ sơn thủy điền viên thời Sơ Đường.

1.DÃ VỌNG

Đông cao bạc mộ vọng,
Tỉ ỷ dục hà y.
Thụ thụ giai thu sắc,
Sơn sơn duy lạc huy.
Mục đồng khu độc phản,
Liệp mã đối cầm quy.
Tương cố vô tương thức,
Trường ca hoài thái vi.

Ngắm cảnh đồng

*Chiều lại nhìn nương nội,
Lân la những dựa kê.
Màu cây thu đã nhuộm,
Đỉnh núi nắng còn hoe.
Đồn ghé, người chẵn lại,
Đeo chim, ngựa bắn về.
Nhìn nhau đều lạ mặt,
Hát vẫn nhớ Di, Tề.
(Ngô Tất Tố dịch)*

2.SƠN GIA

Bình sinh duy tửu lạc,
Tác tính bất năng vô.
Triêu triêu phồng hương lý,
Dạ dạ dịch nhân cô.
Gia bản lưu khách cử,
Bất hạ đạo tinh thô.
Trừu liêm trì ích cự,
Bạc trách cánh nhiên lô.
Hàng văn ẩm bất túc,
Hà kiến tửu tàn hồ?

Nhà trên núi

*Bình sinh vui với rượu,
Bản tính biết nói sao?
Sáng ra thăm làng xóm,
Tối đến tặng rượu nhau.
Nhà nghèo thường giữ khách,
Vụng khéo chẳng nói vào!
Bức màn tre giữ lửa,
Đốt chiếu lửa cháy mau.
Rượu thường uống không đủ,
Đâu nghe rượu lưng bầu?*

3.1.1.2-Phái thơ biên tái:

-Dương Quýnh(? - 692): Người đất Hoa Âm, tỉnh Thiểm Tây. Tính rất tự phụ, thường nói:”
Ngã quý tại Lư tiên, sĩ cư Vương hậu”(*Ta hổ then ở trước Lư Chiếu Lân, ở sau Vương Bột*)

Tòng quân hành

Phong hỏa chiếu tây kinh,
Tâm trung tự bất bình.
Nha chương từ Phụng khuyết,
Thiết kỵ nhiều Long thành.
Vân ám điều kỳ họa,
Phong đa tạp cổ thanh.
Ninh vi bách phu trưởng,
Thắng tác nhất thư sinh.

Bài ca tòng quân

*Lửa hiệu rục Tây kinh,
Lòng ta thấy bất bình.
Binh phù rời Phụng khuyết,
Kỵ mã ruổi Long thành.
Mây tối mờ cờ trại,
Gió nhiều lẫn trống dinh.
Thà làm bách phu trưởng,
Hơn là gã thư sinh.*

(Trần Trọng San dịch)

-Thẩm Thuyên Kỳ(?-713?): Tự Vân Khanh, người đất Nội Hoàng, Tướng Châu, đỗ tiến sĩ năm 675, nhiều thăng trầm trên hoạn lộ. Cùng Tống Chi Vấn tề danh, được người đời xưng tụng là Thẩm Tống nhị gia.

Tạp thi

Văn đạo Hoàng Long thú,
Tân niên bất giải binh.
Khả liên khuê lý nguyệt,
Trường tại Hán gia doanh.
Thiếu phụ kim xuân ý,
Lương nhân tạc dạ tình.
Thùy năng tương kỳ cổ,
Nhất vị thủ Long thành?

Thơ tạp

*Nghe nói Hoàng Long thú,
Bao năm không giải ngũ.
Phòng khuê trăng đôi soi,
Doanh trại Hán mờ tỏ.
Lòng vợ trẻ xuân nay,
Tình chồng xa buổi đó,
Ai đâu nổi trống cờ,
Chiếm lấy Long thành hử?
(Khuông Hữu dụng dịch)*

-Trương Cửu Linh(673-740): Tự Tử Thọ, người Thiều Châu, tỉnh Quảng Đông, làm quan đến chức Thượng thư Hữu thừa tướng. Tính cương trực, bị Lý Lâm Phủ gièm pha, biếm làm trưởng sử ở Kinh Châu rồi mất tại đấy.

Tự quân chi xuất hỹ
 Tự quân chi xuất hỹ,
 Bất phục lý tàn ky.
 Tự quân như nguyệt mãn,
 Dạ dạ giảm quang huy.

Từ khi anh bước đi rồi
 Từ khi anh bước đi rồi,
 Cử canh em chẳng đoái hoài sớm hôm.
 Nhớ anh như tấm trăng tròn,
 Đêm đêm vàng võ hao mòn với trắng.
 (Khương Hữu Dụng dịch)

-3.1.1.3-Phái thơ trữ tình lãng mạn:

-Vương Bột(647-675): Tự Tử An, người Thiểm Tây, Long Môn, giỏi cả thơ lẫn văn. Xếp hàng đầu trong tứ kiệt: Vương Bột, Dương Quýnh, Lữ Chiếu Lâm và Lạc Tân Vương. Có *Vương Tử An tập*. Được nhiều người biết tiếng do bài *Đề Đền Vương các tự*. Chú ý câu: “Lạc hà dữ cô vụ tề phi, thu thủy cộng trường thiên nhất sắc”.

1.Đền vương các

Đền vương cao các lâm giang chử,
 Bội ngọc minh loan bãi ca vũ.
 Họa đóng triều phi Nam Phố vân,
 Chu liên mộ quyển Tây Sơn vũ.
 Nhân vân đàm ảnh nhật du du,
 Vật hoán tinh di kỷ độ thu.
 Các trung đế tử kim hà tại?
 Hạm ngoại Trường giang không tự lưu.

Gác Đền vương

Bên sông đây gác Đền vương,
 Múa ca đã hết ngọc vàng nào ai?
 Cột rồng Nam Phố mây bay,
 Rèm châu mưa cuốn ngàn Tây sớm chiều.
 In đầm mây vẫn vợ trôi,
 Tang thương vật đổi sao đời mấy thu.
 Đền vương trong gác nay đâu?
 Trường giang nước vẫn chảy mau mé ngoài.
 (Trần Trọng San dịch)

2.Tống Đỗ Thiếu phủ chi nhậm Thục Xuyên

Thành khuyết phụ Tam Tần,
 Phong yên vọng ngũ tân.
 Dữ quân ly biệt ý,
 Đồng thị hoạn du nhân.
 Hải nội tồn tri kỷ,
 Thiên nhai nhược ty lân.
 Vô vi tại kỳ lộ,
 Nhi nữ cộng triêm cân.

Tiến Đỗ Thiếu phủ đi nhậm chức ở Thục Xuyên

Tường thành bảo vệ Tam Tần,
 Vời trông năm bến mấy lần khói mây.
 Ngâm ngùi, tôi bác chia tay
 Nghề quan rày đó mai đây bọn mình.
 Đâu không có bạn tâm tình,
 Ở chân trời cũng như quanh xóm làng.
 Biệt nhau nơi ngã ba đường,
 Đùng như nhi nữ lệ tràn thấm khăn.
 (Khương Hữu Dụng dịch)

-Lữ Chiếu Lâm(641-680?): Tự là Thăng Chi, người đất Phạm Dương, U châu, nay là Trực Lệ, Phụng Thiên, làm quan lệnh tại Tân Đô. Vì mắc bệnh, ông từ quan, đến ở núi Thái Bạch, uống đan dược trúng độc, tay chân bị tàn phế, lâu ngày không khỏi bệnh nên tự trầm ở sông Đĩnh. Có văn tập gồm 20 quyển và thi tập “U ưu” gồm 3 quyển.

Khúc Giang hoa

Phù hương nhiều Khúc ngạn,
 Viên ảnh phúc hoa trì.
 Thường khủng thu phong tảo,
 Phiêu linh quân bất tri.

Hoa ao Khúc Giang

Hương nổi vờn bờ nước,
 Bóng tròn phủ mặt ao.
 Thường sợ gió thu sớm,
 Phiêu linh bạn biết đâu!
 (Trần Trọng San dịch)

-Lạc Tân Vương(640? -684): Người Nghĩa Ô, tỉnh Chiết Giang, ngoài tài thơ còn nổi tiếng nhờ bài *Vị Từ Kính Nghiệp thảo Võ Chiếu hịch*. Chú ý câu: “*Nhất phôi chi thổ vị can, lục xích chi cô hà tại*”.

Dịch thủy tống biệt

Thử địa biệt Yên Đan,
Tráng sĩ phát xung quan.
Tích thời nhân dĩ một,
Kim nhật thủy do hàn.

Đưa tiễn trên sông Dịch

Nơi đây từ biệt Yên Đan,
Tóc ai dựng ngược cắm hờn sọc sôi.
Thời xưa tráng sĩ khuất rồi,
Mà nay dòng nước chưa thôi lạnh người.
(Nguyễn Thanh Châu dịch)

-Tống Chi Vấn(? - 713): Tự Diên Thanh, người Phần châu, nay thuộc tỉnh Sơn Tây. Mới 12 tuổi được Vũ hậu cho vào học ở Tập hiền viện. Sau bị biếm ra làm Tham quân tại Lũng châu. Khi Đường Duệ Tông lên ngôi, ông bị biếm ra Khâm châu, rồi mất tại đây. Có văn tập gồm 10 quyển. Về thơ, sở trường loại ngũ ngôn.

Tống Đỗ Thắm Ngôn

Ngọa bệnh nhân sự tuyệt,
Ta quân vạn lý hành.
Hà kiều bất tương tống,
Giang thụ viễn hàm tình.

Tiễn Đỗ Thắm Ngôn

Nằm bệnh quên nhân sự,
Thương ai muôn dặm xa.
Cầu sông không tiễn biệt,
Cây bến tình bao la.
(Trần Trọng San dịch)

-Trần Tử Ngang(651-702): Tự Bá Ngọc, người đất Xạ Hồng, Tử Châu (tỉnh Tứ Xuyên). Học rất muện nhưng rất chăm, đỗ tiến sĩ, làm Hữu thập di một thời gian ngắn rồi xin về quê. Do hiềm khích, bị hãm vào tù, chết trong ngục. Có *Trần Bá Ngọc tập*.

Đăng U Châu đài ca

Tiền bất kiến cổ nhân,
Hậu bất kiến lai giả.
Niệm thiên địa chi du du,
Độc sáng nhiên nhi thế hạ.

Bài ca lên đài U Châu

Cổ nhân nay chẳng thấy,
Hậu thế cũng tịnh không.
Ngẫm trong trời đất vô cùng,
Riêng mình thương cảm đôi giòng lệ rơi.
(Nguyễn Thanh Châu dịch)

-Hạ Tri Chương(659-744): Tự là Quý Chân, người đất Vĩnh Hưng, Việt Châu(nay là huyện Hợp Phố, tỉnh Quảng Đông). Tính phóng khoáng, thích rượu, bạn thân của Lý Bạch . Đỗ tiến sĩ, hoạn lộ hanh thông, đầu năm Thiên Bảo từ quan làm đạo sĩ.

Hồi hương ngẫu thư**Kỳ nhất**

Thiếu tiểu ly gia lão đại hồi,
Hương âm vô cải mấn mao thôi.
Nhi đồng tương kiến bất tương thức,
Tiểu vấn: “Khách tòng hà xứ lai?”

Kỳ nhị

Ly biệt gia hương tuế nguyệt đa,
Cận lai nhân sự bán tiêu ma.
Duy hữu môn tiền Kính Hồ thủy,
Xuân phong bất cải cộ thời ba.

Ngẫu nhiên viết khi về làng**Bài 1**

Trẻ đi, già trở lại nhà
Giọng quê không đổi sương pha mái đầu.
Gặp nhau mà chẳng biết nhau,
Trẻ cười hỏi: “Khách từ đâu đến làng?”

Bài 2

Quê nhà xa cách trải bao thu?
Nhân sự gần đây đã xác xơ.
Riêng nước Kính Hồ bày trước cửa,
Gió xuân không đổi sóng thời xưa.
(Trần Trọng San dịch)

-Vi Thừa Khánh: Tự Diên Hưu, người Vũ Lăng, Trịnh Châu (nay là tỉnh Hà Nam), đỗ tiến sĩ, nhiều thuyền chuyển trong hoạn lộ. Khi bị biếm xuống Lĩnh Nam, sáng tác bài *Nam hành biệt đệ*.

Nam hành biệt đệ

Đạm đạm Trường giang thủy,
Du du viễn khách tình.
Lạc hoa tương dữ hận,
Đáo địa nhất vô thanh.

Đi Lĩnh Nam từ biệt em

Lờ đờ dòng nước chảy,
Lai láng dạ người đi.
Hoa rụng như cùng hận,
Lìa cảnh không tiếng chi!
(Khương Hữu Dụng dịch)

3.1.2.-Thời Thịnh Đường(713-766):

Bao quát thời gian từ năm đầu niên hiệu Khai Nguyên đời Đường Huyền Tông(713) đến năm đầu niên hiệu Đại Lịch đời Đường Đại Tông (766) chừng 50 năm: tình tự trong thơ mãnh liệt, ý cảnh bao la, thể chế thuần thực, nghệ thuật kỳ diệu, đạt đến cực điểm xán lạn, huy hoàng. Trước loạn An Sử(755), thơ chứa đầy thiên nhiên, tình, nhạc và rượu. Lĩnh tụ thi đàn giai đoạn này là thi tiên Lý Bạch. Nội dung thơ Lý Bạch không những bao quát cả 3 phái thơ đã xuất hiện trong thời Sơ Đường, đặc biệt là chất thơ trữ tình lãng mạn, mà còn nâng chúng lên đến đỉnh cao nghệ thuật. Các phái thơ *sơn thủy điền viên*(Mạnh Hạo Nhiên, Vương Duy, Lý Bạch...), *biên tái*(Cao Thích, Sầm Tham, Vương Hàn, Vương Chi Hoán, Vương Xương Linh, Lý Bạch...), *trữ tình lãng mạn* (Lý Bạch, Thôi Hiệu, Trương Kế...). Sau loạn An Sử, xuất hiện một nhà thơ *hiện thực xã hội* kiệt xuất : thi thánh Đỗ Phủ.

3.1.2.1-Phái thơ trữ tình lãng mạn:

-Lý Bạch(701-762): Tự Thái Bạch, hiệu Thanh Liên cư sĩ, người Miên Châu, tỉnh Tứ Xuyên. Xuất thân từ gia đình thương nhân nên ít bị tư tưởng nho gia chính thống chi phối. Lại ưa kiếm thuật, tính phóng khoáng, thích giao du với đạo sĩ và du lãm nhiều thắng cảnh nên có phong cách thoát tục. Ngoài 40 tuổi mới đến Trường An, được Ngô Quân tiến cử làm quan ở Viện Hàn lâm đời Huyền Tông(từ năm Thiên Bảo thứ nhất), nhưng không thích hợp, chỉ sống trong cảnh “cá chậu chim lồng” 3 năm rồi từ quan, tiếp tục ngao du sơn thủy. Được xưng tụng là “thi tiên”, đứng đầu thi đàn đời Đường trước loạn An-Sử.

Năm 759, theo giúp Vĩnh vương Lý Lâm nên bị bắt đày đi Dạ Lang, nhờ Quách Tử Nghi xin cho, được tha. Sáng tác đa dạng, nổi tiếng nhất là chất trữ tình lãng mạn, đứng đầu các nhà thơ thời Thịnh Đường giai đoạn trước loạn Thiên Bảo, được Đỗ Phủ kính trọng, khâm phục:

Bút lạc kinh phong vũ,
Thi thành khắp quỷ thần.
(Bút hạ gió mưa nổi,
Thơ thành thần quỷ kinh).

Năm 761, xin tòng quân tiểu trừ Lý Triều Nghĩa, giữa đường bị bệnh phải về. Năm sau, mất tại An Huy, để lại gần 1000 bài thơ.

1. Độc tọa Kính Đình sơn

Chúng điểu cao phi tận,
Cô vân độc khứ nhàn.
Tương khan lưỡng bất yếm,
Chỉ hữu Kính Đình san.

2. Tĩnh dạ tứ

Sàng tiền khán nguyệt quang,
Nghị thị địa thượng sương.
Cử đầu vọng minh nguyệt,
Đê đầu tư cố hương.

3. Oán tình

Mỹ nhân quyến châu liêm,
Thâm tọa tần nga mi.
Đã kiến lệ ngân thấp,
Bất tri tâm hận thù?

4. Xuân tứ

Yên thảo như bích ti,
Tần tang đê lục chi.
Đương quân hoài qui nhật,
Thị thiếp đoạn trường thì.
Xuân phong bất tương thức,
Hà sự nhập la vi?

5. Sơn trung vấn đáp

Vấn quân hà sự thê bích san?
Tiểu nhi bất đáp tâm tự nhàn.
Đào hoa lưu thủy yếu nhiên khứ,
Biệt hữu thiên địa phi nhân gian.

6. Vọng Lư sơn bộc bố

Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên,
Dao khan bạch bố quả tiên xuyên.
Phi lưu trực há tam thiên xích,
Nghị thị Ngân Hà lạc cửu thiên.

Một mình ngồi trên núi Kính Đình

Đàn chim bay vút cả rồi,
Đám mây lơ lững giữa trời chon von.
Nhìn nhau không chán, chỉ còn
Mình ta đây, với đó: non Kính Đình.

(Khương Hữu Dụng dịch)

Ý tưởng trong đêm vắng

Trước giường ngắm trăng sáng,
Cứ ngỡ ánh sương sa.
Ngẩng đầu nhìn trăng sáng,
Cúi đầu nhớ quê nhà.

Tình oán

Người đẹp cuốn rèm châu,
Ngồi yên, đôi mày chau.
Mắt kia rưng ướt lệ,
Lòng biết hận về đâu?

Ý xuân

Cỏ non xanh biếc vùng Yên,
Cành dâu xanh ngả ở bên đất Tần.
Lòng em đau đớn muôn phần,
Phải chăng là lúc phu quân nhớ nhà?
Gió xuân quen biết chi mà,
Có chi lọt bức màn là tới ai?

(Tản Đà dịch)

Lời hỏi đáp trong núi

Hỏi ta sao đến ở non cô?
Chỉ lặng cười thôi, lòng thanh thoi;
Hoa đào trôi mãi theo dòng nước,
Tách một trời riêng khác cõi người.

(Khương Hữu Dụng dịch)

Xa ngắm thác núi Lư

Nắng đợi Hương Lô khói tía bay,
Xa trông dòng thác trước sông này;
Nước bay thẳng xuống ba nghìn thước
Tuông dải Ngân Hà tuột khỏi mây.

(Tương Như dịch)

7. Tảo phát Bạch Đế thành

Triều từ Bạch Đế thái vân gian,
Thiên lý Giang Lăng nhất nhật hoàn.
Lưỡng ngạn viên thanh đề bất trụ,
Khinh chu dĩ quá vạn trùng san.

8. Tử dạ thu ca

Trường An nhất phiến nguyệt,
Vạn hộ đảo y thanh.
Thu phong xuy bất tận,
Tổng thị Ngọc Quan tình.
Hà nhật bình Hồ lỗ?
Lương nhân bãi viễn chinh.

9. Tặng Uông Luân

Lý Bạch thừa chu tướng dục hành,
Hốt văn ngạn thương đạ ca thanh.
Đào Hoa đàm thủy thâm thiên xích,
Bất cập Uông Luân tống ngã tình.

**10. Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo
Nhiên chi Quảng Lăng**

Cố nhân tây từ Hoàng Hạc lâu,
Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu.
Cô phàm viễn ảnh bích không tận,
Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.

**11. Văn Vương Xương Linh tả thiên
Long Tiêu dao hữu thử ký**

Dương hoa lạc tận tử qui đề,
Văn đạo Long Tiêu quá ngũ kê.
Ngã ký sâu tâm dữ minh nguyệt,
Tùy quân trực đáo Dạ Lang tê (tây).

Sớm ra đi từ thành Bạch Đế

Sớm từ Bạch Đế thành mây,
Giang Lăng nghìn dặm một ngày về luôn.
Hai bờ tiếng vượn véo von,
Thuyền lan đã vượt núi non vạn trùng.

(Tản Đà dịch)

Bài ca mùa thu của nàng Tử Dạ

Trường An, trăng một mảnh,
Tiếng chày rộn muôn nhà.
Gió thu thổi không dứt,
Ngọc Quan, tình bao la.
Ngày nào yên giặc Bắc,
Chàng khỏi chiến chinh xa?

(Trần Trọng San dịch)

Tặng Uông Luân

Sắp đi, Lý Bạch ngồi thuyền,
Trên bờ chân giậm nghe liền tiếng ca.
Nước đầm nghìn thước Đào Hoa,
Uông Luân tình bác tiễn ta sâu nhiều

(Tản Đà dịch)

**Từ lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo
Nhiên đi Quảng Lăng**

Hoàng Hạc lâu xưa bạn cũ rời,
Dương Châu hoa khói tháng ba xuôi.
Buồm đơn bóng hút vào xanh biếc,
Chỉ thấy Trường Giang chảy cuối trời.

(Khương Hữu Dụng dịch)

**Từ nơi xa gửi tới Vương Xương linh khi
nghe bị giáng chức dời đi Long tiêu**

Rụng hết hoa Dương vắng cuộc kê,
Bạn qua năm tuổi đến Long Tiêu;
Lòng sâu ta gửi cùng trăng sáng,
Thẳng Dạ Lang tây dơi bóng theo.

(Khương Hữu Dụng dịch)

12. Thái liên khúc

Nhược Da khô bằng thái liên nữ,
Tiểu cách hà hoa cộng nhân ngữ.
Nhật chiếu tân trang thủy để minh,
Phong phiêu hương duệ không trung cử.
Ngạn thượng thù gia du dã lang,
Tam tam ngũ ngũ ánh thù dương.
Tử lưu kê nhập lạc hoa khứ,
Kiến thử trì trừ không đoạn trường.

13. Xuân nhật túy khởi ngôn chí

Xử thế nhược đại mộng,
Hồ vi lao kỳ sinh.
Sở dĩ chung nhật túy,
Đôi nhiên ngọa tiền doanh.
Giác lai miện đình tiền,
Nhất điệu hoa gian minh.
Tá vấn thử hà nhật,
Xuân phong ngữ lưu oanh.
Cảm chi dục thán tức,
Đối chi hoàn tự khuynh.
Hạo ca đãi minh nguyệt,
Khúc tận dĩ vong tình.

14. Nguyệt hạ độc chước

Hoa gian nhất hồ tửu,
Độc chước vô tương thân.
Cử bôi yêu minh nguyệt,
Đối ảnh thành tam nhân.
Nguyệt ký bất giải ẩm,
Ảnh đồ tùy ngã thân.
Tạm bạn nguyệt tương ảnh,
Hành lạc tu cập xuân.
Ngã ca nguyệt bôi hồi,
Ngã vũ ảnh linh loạn.
Tĩnh thời đồng giao hoan,
Túy hậu các phân tán.
Vĩnh kết vô tình du,
Tương kỳ mạc Vân Hán.

Khúc hát hái sen

Có cô con gái nhà ai,
Hái sen chơi ở bên ngòi Nhược Da.
Mặt hoa cười cách đóa hoa,
Cùng ai nói nói mặn mà thêm xinh.
Ao quần mặc mới sáng tinh,
Nắng soi đáy nước rung rinh bóng lông.
Thơm tho vạt áo gió tung,
Bay lên phát phối trong không ngạt ngào.
Năm ba chàng trẻ nhà nào,
Ngựa hồng rặng liễu bờ cao bóng người.
Ngựa kêu, lần bước hoa rơi,
Đoái trông ai đó ngậm ngùi tiếc thương.
(Tản Đà dịch)

Ngày xuân say rượu dậy nói chí mình

Ở đời như giấc chiêm bao
Cái thân còn đó lao đao làm gì?
Cho nên suốt buổi say lý,
Nằm lẩn trước cột biết gì có ta.
Tĩnh thôi đưa mắt sân nhà,
Một con chim hót bên hoa ngọt ngào.
Hỏi xem nay đó ngày nào?
Ngày xuân gió mát, vui chào tiếng oanh.
Ngậm ngùi cảm cảnh sinh tình,
Nghiêng bầu, mình lại với mình làm vui.
Hát ran, chờ tấm trăng soi,
Thoạt xong câu hát thời rồi đã quên.
(Tản Đà dịch)

Dưới trăng uống rượu một mình

Trong hoa một bầu rượu,
Mình ta túy lúy say.
Cất chén mời trăng sáng,
Với bóng thành ba người.
Trăng không hay thú rượu,
Bóng theo thân ta hoài.
Tạm cùng trăng với bóng,
Xuân đến cứ vui tươi.
Ta ca: trăng bôi hồi,
Ta múa: bóng linh loạn.
Lúc tĩnh cùng sum vui,
Say rồi đều phân tán.
Vô tình kết bạn chơi,
Hẹn gặp nơi Vân Hán.
(Trần Trọng San dịch)

15. Tặng nội

Tam bách lục thập nhật,
Nhật nhật túy như nê.
Tuy vi Lý Bạch phụ,
Hà dị Thái Thường thê?

16. Thu Phố ca

Lô hỏa chiếu thiên địa,
Hồng tinh loạn tử yên.
Noãn lang minh nguyệt dạ,
Ca khúc động hàn xuyên.

17. Hành lộ nan

Kim tôn thanh tửu đầu thập thiên,
Ngọc bàn trân tu trị vạn tiền.
Đình bôi đầu trợ bất năng thực,
Bạt kiếm tứ cố tâm mang nhiên.
Dục độ Hoàng hà băng tắc xuyên,
Tương đặng Thái Hàng tuyết mãn thiên.
Khai lai thùy điếu tọa khê thượng?
Hốt phục thừa chu mộng nhật biên.
Hành lộ nan! Hành lộ nan!
Đa kỳ lộ! Kim an tại?
Thừa phong phá lãng hội hữu thì,
Trực quả vân phạm tế thương hải.

Thơ tặng vợ

Ba trăm sáu chục ngày trời,
Ngày ngày say bết như đời con nê.
Vợ chàng Lý Bạch ta kia,
Như ai vợ Thái Thường xưa khác gì?
(Tản Đà dịch)

Bài ca Thu Phố

Lửa lò chiếu sáng cả đất trời,
Khói tím rộn tia hồng lấp lánh.
Má chàng rực đỏ lóa đêm trăng,
Khúc ca khua động dòng sông lạnh.
(Nguyễn Khắc Phi dịch)

Đường đi khó

Cốc vàng, rượu trong, vạn một đấu,
Mâm ngọc, nhắm quý, giá mười ngàn.
Dùng chén, ném dĩa, nuốt không được,
Rút kiếm, nhìn quanh, lòng mên mang.
Muốn vượt Hoàng hà, sông băng đóng!
Toan lên Thái Hàng, núi tuyết phơi!
Lúc rồi buông câu bờ khe biếc,
Bồng mơ thuyền lướt cạnh mặt trời!
Đường đi khó! Đường đi khó!
Nay ở đâu? Đường bao ngã!
Cưỡi gió phá sóng hẵn có ngày,
Treo thẳng buồm mây vượt biển cả!
(Nguyễn Khắc Phi dịch)

-Thôi Hiệu(704-754): Người Biện Châu, huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam. Tính lãng mạn, thích cờ bạc, ham rượu chè, hay rầy vợ. Đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức Tư huân viên ngoại lang. Nổi tiếng nhờ bài *Hoàng Hạc lâu* khiến Lý Bạch phải gác bút.

1. Hoàng Hạc lâu

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,
Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu.
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,
Bạch vân thiên tải không du du.
Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ,
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu.
Nhật mộ hương quan hà xứ thị?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

Lâu Hoàng Hạc

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu?

Mà đây Hoàng Hạc riêng lâu còn trơ!
Hạc vàng đi mất từ xưa,
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.
Hán Dương sông tạnh cây bèo,
Bãi xa Anh Vũ xanh dầy cỏ non.
Quê hương khuất bóng hoàng hôn.
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?
(Tản Đà dịch)

-Trương Kế(trước sau 756): Tự là Ý Tôn, người Tương Dương(nay thuộc tỉnh Hồ Bắc). Đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức Kiêm hiệu viên ngoại lang. Mất tại Hồng Châu. Có *thi tập*, nổi tiếng nhờ bài *Phong Kiều dạ bạc*.

Phong Kiều dạ bạc

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên;
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

Ban đêm đỗ thuyền bến Phong Kiều

Trăng tà tiếng qua kêu sương,
Lửa chài, cây bến sầu vương giấc hồ.
Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San
(Tản Đà dịch)

-3.1.2.2-Phái thơ xã hội:

-Đỗ Phủ(712-770): Tự Tử Mỹ, hiệu Thiếu Lăng, vốn quê ở Tương Dương tỉnh Hồ Bắc, sau tổ phụ dời xuống huyện Cửng, tỉnh Hà Nam. Thi không đỗ nên chỉ giữ chức quan nhỏ, sau vì bất mãn nên bỏ quan về ẩn ở Tần Châu, Thành Đô. Chết ở Lỗ Dương. Được xưng tụng "thi thánh", là nhà thơ hiện thực lớn, đứng đầu trong và sau loạn Thiên Bảo. Có *Đỗ Lăng tập* gồm khoảng 1400 bài, đủ mọi thể loại. Luật thi của Đỗ Phủ được xưng tụng là giai tác, được xếp vào hàng tác phẩm cổ điển.

1.-Thạch Hào lại

Mộ đầu Thạch Hào thôn,
Hữu lại dạ tróc nhân.
Lão ông du tường tẩu,
Lão phụ xuất môn khan.
Lại hô nhất hà nộ,
Phụ đề nhất hà khổ.
Thính phụ tiền trí từ:
"Tam nam Nghiệp Thành thú
Nhất nam phụ thư chí :
Nhị nam tân chiến tử.
Tồn giả thả thân sinh,
Tử giả trường dĩ hĩ !
Thất trung cánh vô nhân,
Duy hữu nhũ hạ tôn.
Hữu tôn mẫu vị khứ,
Xuất nhập vô hoàn quần.
Lão ẩu lực tuy suy,
Thỉnh tòng lại dạ qui,
Cấp ứng Hà Dương dịch,
Do đắc bị thân xuy".
Dạ cửu ngữ thanh tuyệt,
Như văn khắp u yết.
Thiên minh đặng tiền đồ,
Độc dữ lão ông biệt.

2.Xuân vọng

Quốc phá sơn hà tại,
Thành xuân thảo mộc thâm.
Cảm thời hoa tiễn lệ,
Hận biệt điểu kinh tâm.
Phong hỏa liên tam nguyệt,

Viên lại thôn Thạch Hào

Chiều ghé xóm Thạch Hào,
Quan bắt người nửa đêm.
Ông già vượt tường trốn,
Bà già ra cửa nhìn.
Viên lại quát đà dữ!
Bà già van đà khổ !
Nghe bà bước lên trước,
Van rằng: "Có ba trai,
Thành Nghiệp đều đi thú.
Một đứa gọi thư nhân:
Hai đứa vừa chết trận.
Đứa chết đành thôi rồi,
Đứa còn đâu chắc chắn!
Trong nhà không còn ai,
Có cháu đang bú thôi.
Mẹ cháu chưa rời cháu,
Ra vào quần tả tơi.
Tuy sức yếu, già đây
Xin theo ngài đêm nay
Đến Hà Dương còn kịp,
Thối cơm hầu buổi mai.
Đêm khuya lời đã tắt,
Dường nghe khóc ầm ỨC.
Sáng ra chào lên đường,
Chỉ cùng ông lão biệt.

(Khương Hữu Dụng dịch)

Ngóng xuân

Nước tàn sông núi còn đây,
Thành xuân cây cỏ mọc đầy khắp nơi.
Cảm thời, hoa cũng lệ rơi,
Lòng chim cũng sợ tình đời bắc nam.
Lửa binh ba tháng lan tràn,

Gia thư để vạn câm.
Bạch đầu tao cánh đoản,
Hồn dục bất thăng trâm.

3. Nguyệt dạ ước xá đệ

Thú cổ đoạn nhân hành,
Biên thu nhất nhạn thanh.
Lộ tông kim dạ bạch,
Nguyệt thị cổ hương minh.
Hữu đệ giai phân tán,
Vô gia vấn tử sinh.
Ký thư trường bất đạt,
Huống nãi vị hưu binh.

4. Tuyệt cú

Lưỡng cá hoàng ly minh thúy liễu,
Nhất hàng bạch lộ thượng thanh thiên.
Song hàm Tây Lĩnh thiên thu tuyết,
Môn bạc Đông Ngô vạn lý thuyền.

5. Đăng cao

Phong cấp thiên cao viên khiếu ai,
Chữ thanh sa bạch điểu phi hồi.
Vô biên lạc mộc tiêu tiêu hạ,
Bất tận trường giang cổn cổn lai.
Vạn lý bi thu thường tác khách,
Bách niên đa bệnh độc đăng đài.
Gian nan khổ hận phần sương mấn,
Lạo đảo Tân Đình trọc tửu bôi.

6. Khúc giang

Triều hồi nhật nhật điển xuân y,
Mỗi nhật giang đầu tận túy qui.
Tửu trái tâm thường hành xứ hữu,
Nhân sinh thất thập cổ lai hy.
Xuyên hoa giáp điệp thâm thâm hiện,
Điểm thủy thanh đình khoản khoản phi.
Truyền ngữ phong quang cộng lưu chuyển
Tạm thời tương thưởng mạc tương vi.

7. Mao ốc vi thu phong sở phá ca

Bát nguyệt thu cao phong nộ hào,

Thư nhà đưa đến muôn vàng chất chiu.
Xoa đầu tóc bạc ngần nhiều,
So le phơ phất khó điều cài trâm.

(Trần Trọng San dịch)

Đêm trăng nhớ em trai

Trống quân điểm vắng người đi,
Lạc đàn tiếng nhạn phân ly mé trời.
Quê người đất khách đôi nơi,
Cùng trong một ánh trăng ngồi đêm thu.
Biên cương tỏa khắp sương mù,
Lòng người cảnh sắc đeo sầu như nhau.
Biết em xiêu lạc về đâu,
Tử sinh ai rõ đuôi đầu mà hay.
Dứt đường thư tín lâu nay,
Còn ngày nào cũng là ngày chiến tranh.

(Hồ Đắc Định dịch)

Tuyệt cú

Hai cái oanh vàng kêu liễu biếc,
Một hàng cò trắng vút trời xanh.
Nghìn năm tuyết núi song in sắc,
Muôn dặm thuyền Ngô cửa rập rình.

(Tản Đà dịch)

Lên cao

Gió mạnh, trời cao, vượn rúc sâu
Bến trong, cát trắng, lượn đàn âu.
Lào rào lá rụng, cây ai đếm,
Cuồn cuộn sông dài, nước đến đâu.
Muôn dặm quê người thu nã cảnh,
Một thân già yếu bước lên lầu.
Khó khăn ngao ngán bao là nỗi,
Rượu uống không ngon chóng bạc đầu.

(Tản Đà dịch)

Trên sông Khúc giang

Khởi bệ vua ra, cố áo hoài
Bên sông say khướt, tối lần mai.
Nợ tiền mua rượu đâu không thế,
Sống bảy mươi năm đã mấy người?
Bươm bươm luồn hoa phơ phất lượn,
Chuồn chuồn giỡn nước lững lơ chơi.
Nhấn cho quang cảnh thường thay đổi,
Tạm chút chơi xuân kéo nữa hoài.

(Tản Đà dịch)

Bài hát nhà tranh bị gió thu phá nát

Tháng Tám, thu cao, gió thét

Quyển ngã ốc thượng tam trùng mao.
Mao phi độ giang sáo giang giao:
Cao giả quải quyền trường lâm sao,
Hạ giả phiêu chuyển trầm đường ao.
Nam thôn quần đồng khi ngã lão vô lực,
Nhấn năng đối diện vi đạo tặc,
Công nhiên bão mao nhập trúc khứ.
Thần tiêu khẩu tảo hô bất đắc,
Quy lai ý trượng tự thán tức.
Nga khoảnh phong định vân mặc sắc,
Thu thiên mặc mặc hưởng hôn hắc.
Bố khâm đa niên lãnh tự thiết,
Kiêu nhi ác họa đạp lý liệt.
Sàng đầu ốc lậu vô can xứ,
Vũ cước như ma vị đoạn tuyệt.
Tự kinh táng loạn thiếu thụ miên,
Trường dạ triêm thấp hà do triệt !
An đắc quảng hạ thiên vạn gian,
Đại tí thiên hạ hàn sĩ câu hoan nhan,
Phong vũ bất động an như sơn.
Ô hô ! Hà thời nhân tiền đột ngọt hiện
thử ốc,
Ngô lữ độc phá thụ đồng tử diệc túc.

8. Giang bạn độc bộ tầm hoa

Hoàng Tứ nương gia hoa mãn kê,
Thiên đóa vạn đóa áp chi đề.
Lưu liên hí điệp thời thời vũ,
Tự tại kiêu oanh khắp khắp đề.

9. Tuyệt cú

Cấp vũ sảo khô túc,
Tà huy chuyển thụ yêu.
Cách sào hoàng ly tịnh,
Phiên tảo bạch ngư khiêu.

già,

*Cuộn mắt ba lớp tranh nhà ta.
Tranh bay sang sông rải khắp bờ,
Mảnh cao treo tốt ngọn rừng xa,
Mảnh thấp quay lộn vào mương, sa.
Trẻ con thôn nam khinh ta già không sức,
Nữ nhè trước mặt xô cướp giật,
Cấp tranh đi tuốt vào lũy tre,
Môi khô miệng cháy gào chẳng được,
Quay về chống gậy lòng ấm ức !
Giây lát, gió lặng, mây tối mực,
Trời thu mịt mịt đêm đen đặc.
Mền vải lâu năm lạnh tợ sắt,
Con nằm xấu nét đạp lót nát.
Đầu giường nhà đột chẳng chừa đầu,
Dày hạt mưa, mưa, mưa chẳng dứt.
Từ trải cơn loạn ít ngủ nghề
Đêm dài ướm át sao cho trót?
Ước được nhà rộng muôn nghìn gian
Che khắp thiên hạ kẻ sĩ nghèo đều hân hoan.
Gió mưa chẳng núng vững như thạch bàn
Than ôi! bao giờ nhà ấy sừng sững dựng
trước mắt,
Riêng lều ta nát, chịu chết rét cũng được!*
(Khương Hữu Dụng dịch)

Một mình dạo chơi tìm hoa ven sông

*Cạnh nhà cô Tứ hoa đầy suối,
Ngàn đóa muôn bông ép trĩu cành.
Lưu luyến quấn quanh vờn lũ bướm,
Ung dung thảnh thót hót hoàng oanh.*
(Nguyễn Khắc Phi dịch)

Tuyệt cú

*Chân suối mưa rào lướt,
Lưng cây bóng xế lỏng.
Oanh vàng gù cách tổ,
Cá trắng nhảy tung rong.*
(Khương Hữu Dụng dịch)

10. Thu hứng

Ngọc lộ điều thương phong thụ lâm,
Vu Sơn Vu Hiệp khí tiêu sâm.
Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,
Tái thượng phong vân tiếp địa âm.
Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,
Cô chu nhất hệ cố viên tâm.
Hàn y xứ xứ thôi đao xích,
Bạch Đế thành cao cấp mộ châm.

11. Nguyệt dạ

Kim dạ Phu Châu nguyệt,
Khuê trung chỉ độc khan.
Dao lân tiểu nhi nữ,
Vị giải ức Trường An.
Hương vụ vân hoàn thấp,
Thanh huy ngọc tí hàn.
Hà thời ỷ hư hoảng,
Song chiếu lệ ngắn can.

Cảm xúc mùa thu

Lác đác rừng phong hạt móc sa,
Ngàn non hiu hắt khí thu lòà.
Lưng trời sóng rợn lòng sông thẳm,
Mặt đất mây đùn cửa ải xa.
Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ,
Con thuyền buộc chặt mối tình nhà.
Lạnh lùng giục kẻ tay dao thước,
Thành Bạch, chày vang bóng ác tà.
(Nguyễn Công Trứ dịch)

Đêm trăng

Đêm nay Phu Châu sáng,
Mình em ngắm trăng khuya.
Nỗi nhớ Trường An ấy,
Thương con chưa biết gì !
Sương thơm làn tóc ẩm,
Ao lạnh cánh tay tê.
Bao nữa cùng soi bóng,
Đôi mình ngắn lệ se.
(Khương Hữu Dụng dịch)

3.1.2.3-Phái thơ sơn thủy điền viên:

-Mạnh Hạo Nhiên(689-740): Húy là Hạo, tự là Hạo Nhiên, người thôn Đông Dã, huyện Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc(nên còn được gọi là Mạnh Tương Dương). Chuộng khí tiết, ưa ẩn cư, cùng với Vương Duy là hai nhà thơ lớn phái sơn thủy điền viên thời Thịnh Đường. Có thi tập, gồm 3 quyển.

1.Xuân hiểu

Xuân miên bất giác hiểu,
Xứ xứ văn đề hiểu.
Dạ lai phong vũ thanh,
Hoa lạc tri đa thiếu.

Sớm xuân

Giác xuân không biết sáng trời,
Tiếng chim bên gối khắp nơi vọng về.
Đêm qua mưa gió nã nề,
Một vài hay đã bộn bề hoa rơi.
(Khương Hữu Dụng dịch)

2.Quá cố nhân trang

Cố nhân cụ kê thử,
Yêu ngã chí điền gia.
Lục thụ thôn biên hợp,
Thanh sơn quách ngoại tà.
Khai hiên diện tường phố,
Bả tửu ngũ tang ma.
Đãi đáo trùng dương nhật,
Hoàn lai tộ cúc hoa.

Qua trại của bạn cũ

Cố nhân sẵn nếp gà,
Mời khách tới điền gia.
Ven xóm cây xanh tốt,
Ngoài đồng bóng núi tà.
Vườn tược ngời hiên ngắm,
Dâu gai chén rượu khà.
Đợi đến trùng dương tiết,
Lại đây thường cúc hoa.

-Vương Duy(699-759): Tự Ma Cát, người Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây. Nổi tiếng về thơ, sành âm nhạc, lại giỏi về thư pháp và hội họa, được xưng tụng là *Thi Phật*. Tô Đông Pha từng khen "Thi trung hữu họa, họa trung hữu thi".

1. Tống xuân từ

Nhật nhật xuân không lão,
Niên niên xuân cánh quy.
Tương hoan hữu tôn tử,
Bất dụng tích hoa phi.

2. Điều minh giản

Nhân nhàn quế hoa lạc,
Dạ tĩnh, xuân sơn không.
Nguyệt xuất, kinh sơn điểu,
Thời minh xuân giản trung.

3. Tống biệt 1

Hạ mã ẩm quân tử,
Vấn quân hà sở chi?
Quân ngôn bất đắc ý,
Qui ngoạ Nam sơn thùy.
Đã khứ mạc phục vấn,
Bạch vân vô tận thì.

4. Tống biệt 2

Sơn trung tương tống bãi,
Nhật mộ yếm sài phi.
Xuân thảo minh niên lục,
Vương tôn qui bất qui?

5. Vị Thành khúc

Vị Thành triều vũ áp khinh trần,
Khách xá thanh thanh liễu sắc tân.
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu,
Tây xuất Dương quan vô cố nhân.

Lời tiễn xuân

Ngày ngày người cứ già đi,
Năm năm xuân đến xuân đi, lẽ thường.
Cùng vui nâng chén quỳnh tương,
Hoa kia dù tiếc mùi hương, ích gì?
(Nguyễn Thanh Châu dịch)

Khe chim kêu

Quế rơi êm ả, người nhàn
Đêm trôi lặng lẽ xuân ngàn quạnh hiu.
Trăng lên, hốt hoảng chim đèo,
Lòng khe ngân dội tiếng kêu đầu cành
(Khương Hữu Dụng dịch)

Tống biệt 1

Xuống ngựa mời nâng chén,
Hỏi anh về đâu đây?
Rằng: "Đời không toại chí,
Về ẩn Nam sơn này".
Đi rồi, thôi chẳng hỏi,
Ngàn năm mây trắng bay.
(Nguyễn Thanh Châu dịch)

Tống biệt 2

Trong núi tiễn đưa bạn,
Chiều tà đóng cổng tre.
Cỏ xuân, xanh năm tới,
Vương tôn biết có về?

Khúc hát Vị Thành

Sớm mưa ướt bụi Vị Thành,
Tươi màu quán khách liễu xanh la đà.
Cạn thêm một chén quan hà,
Dương quan chốn ấy ai là cố nhân?

3.1.2.4-Phái thơ biên tái:

-Cao Thích(? – 765): Tự là Đạt Phu, người Thường Châu, tỉnh Hà Bắc. Đời Đường Huyền Tông, đỗ khoa Hữu đạo, làm quan đến chức Tấn kỵ thường thị và được phong Bột hải hầu. Ham sự nghiệp, ngoài 50 tuổi mới làm thơ. Cùng Sâm Tham nổi tiếng trong phái thơ biên tái. Có *Thi văn tập*, gồm 20 quyển.

1. Đông Bình lộ tác

Thanh khoáng lương dạ nguyệt,
Bồi hồi cô khách chu.
Điều nhiên phong ba thượng,
Độc mộng tiền sơn thu.
Thu chí phục dao lạc,
Không linh hành giả sâu.

Làm trên đường đi Đông Bình

Trăng đêm lạnh trong suốt,
Thuyền khách cô bồi hồi.
Mịt mù làn sóng gió,
Mơ núi thu xưa chơi.
Thu đến tiêu điều hẳn,
Khiến người đi bụi ngùi.

(Khuông Hữu Dụng dịch)

2. Biệt Động Đại

Thập lý hoàng vân bạch nhật huân,
Bắc phong xuy nhận tuyết phân phân.
Mạc sầu tiền lộ vô tri kỷ,
Thiên hạ hà nhân bất thức quân?

Tiền biệt Động Đại

Mười dặm vàng pha bóng nắng hanh,
Nhận xuôi gió bắc tuyết bay nhanh.
Chớ buồn nẻo trước không tri kỷ,
Thiên hạ ai người chẳng biết anh?

(Tản Đà dịch)

-Sâm Tham(715-770): Người huyện Nam Dương(nay thuộc tỉnh Hà Nam), đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức Lang trung kiêm Thị ngự sử, bị thăng giáng nhiều lần. Sau từ chức, về ở núi Đỗ Lăng, rồi mất ở đất Thục. Trải nhiều năm ở biên phòng nên thơ biên tái của ông từ điệu rất cao. Có *thi tập*, gồm 10 quyển.

1. Sơn phòng xuân sự

Lương viên nhật mộ loạn phi nha,
Cực mục tiêu điều tam lưỡng gia.
Đình thụ bất tri nhân khứ tận,
Xuân lai hoàn phát cự thời hoa.

Cảnh xuân nhà trên núi

Trời tối, vườn Lương, qua lượn lờ

Nhà dâu vút mắt, nóc lúa thưa.
Cây xuân chẳng biết người đi hết,
Xuân đến hoa còn nở giống xưa.

(Tản Đà dịch)

2. Phùng nhập Kinh sử

Cố viên đông vọng lộ man man,
Song tụ long chung lệ bất can.
Đạo thượng tương phùng vô chỉ bút,
Bằng quân truyền ngữ báo bình an.

Giữa đường, gặp sứ giả vào Kinh đô

Mật mờ vườn cũ trời đông,
Đôi tay run rẩy gạt dòng lệ rơi.
Giữa đường chỉ biết gởi lời,
Nhờ anh nhắn bảo rằng tôi yên bình.

(Hồ Đắc Định dịch)

-Vương Hàn(khoảng trước sau 713): Tự là Tử Vũ, người đất Tấn Dương, Tinh Châu(nay thuộc tỉnh Sơn Tây). Tính phóng đãng, ham rượu chè, đỗ tiến sĩ năm 710, làm quan bị nhiều lần biếm trích, mất ở Đạo châu.

Lương Châu từ

Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi,
Dục ẩm tì bà mã thượng thôi.
Túy ngoạn sa trường quân mạc tiếu,
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.

Khúc hát Lương Châu

Bồ đào chửa cạn chén dạ quang,
Vội vã lên yên giục tiếng đàn.
Say khướt sa trường anh chớ diễu,
Xưa nay chinh chiến khó bình an.

-Vương Chi Hoán(trước sau 742):

Người Tinh Châu (nay là huyện Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây), giỏi văn chương nhưng lận đận trường khoa cử. Thơ ông thường được nhạc công phổ nhạc và ca kỹ ưa hát.

1. Đăng Quán Tước lâu

Bạch nhật y sơn tận,
Hoàng hà nhập hải lưu.
Dục cùng thiên lý mục,
Cánh thương nhất tầng lâu.

Lên lầu Quán Tước

Bóng ác gác non cao,
Sông Hoàng lọt biển sâu.
Muốn cùng muôn dặm mắt,
Lên nữa một tầng lầu.

(Khương Hữu Dụng dịch)

2. Lương Châu từ

Hoàng hà viễn thượng bạch vân gian,
Nhất phiến cô thành vạn nhận san.
Khương địch hà tu oán dương liễu,
Xuân phong bất độ Ngọc Môn quan.

Khúc hát Lương Châu

Sông Hoàng lên tận khoảng mây bông,
Một mảnh thành cô núi vạn trùng.
Sáo rợ thổi chi bài Chiết Liễu,
Ngọc Môn nào lọt ngọn xuân phong!

(Khương Hữu Dụng dịch)

-Vương Xương Linh(698-756): Tự Thiếu Bá, người đất Giang Ninh, tỉnh Giang Tô. Đậu tiến sĩ, làm chức Hiệu thư lang, sau bị biếm làm quan úy tại Long Tiêu. Bị thứ sử Lư Khuê Hiển giết chết vì tư thù. Nổi tiếng hay thơ, được xưng tụng là *Thi thiên tử*. Có *thi tập*, gồm 5 quyển.

1. Khuê oán

Khue trung thiếu phụ bất tri sầu,
Xuân nhật ngưng trang thượng thúy lâu.
Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc,
Hối giao phu tế mịch phong hầu.

Nỗi oán trong phòng khuê

Trẻ trung nàng biết đâu sầu,
Buông xuân trang điểm lên lầu ngắm gương
Nhác trông vẻ liễu bên đường,
Phong hầu đại xui chàng kiếm chi

(Tản Đà dịch)

2. Tái hạ khúc

Ấm mã độ thu thủy,
Thủy hàn phong tự đao.
Bình sa nhật vị một,
Ấm ảm kiến Lâm Thao.
Tích nhật Trường thành chiến,
Hàm ngôn ý khí cao.
Hoàng trần túc thiên cổ,
Bạch cốt loạn bồng mao.

Khúc hát dưới biên ải

Uống no, người ngựa sang sông,
Gió thu hiu hắt buổi dòng nước trôi.
Cát bằng nắng trải chơi vơi,
Mờ mờ thoáng hiện khung trời Lâm Thao.
Trường thành chiến địa thừa nào,
Mà nay chí khí anh hào còn vang.
Nghìn năm phủ kín bụi vàng,
Ngổn ngang xương trắng mọc lan cỏ dày.

(Nguyễn Thanh Châu dịch)

3.1.3.-Trung Đường(766-836):

Bao quát thời gian từ năm đầu niên hiệu Đại Lịch đời Đường Đại Tông (766) đến năm đầu niên hiệu Khai Thành đời Đường Văn Tông(836), chừng 70 năm: đó là thời kỳ biến chuyển của thơ Đường. Với thể chế đã hoàn toàn thành thực, với nội dung sâu rộng tinh tế thời Thịnh Đường, thi gia thời kỳ Trung Đường chú trọng đến kỹ xảo để đưa thơ ca đạt đến bước phát triển mới. Nhưng do hoàn cảnh xã hội bế tắc đời Đường và không còn những thi sĩ có tài năng kiệt xuất như “thi Phật, thi Tiên, thi Thánh” của thời Thịnh Đường, nên thơ đã bắt đầu suy thoái. Nổi bật trong thời kỳ này là phái thơ *hiện thực xã hội* với các thi tài Bạch Cư Dị, Nguyên Chấn, Lý Thân. Phái thơ *son thủy điền viên* có những thi nhân tiêu biểu như Vi Ứng Vật, Liễu Tông Nguyên và Lưu Trường Khanh. Tiếng thơ *biên tái* trở

nên thưa thớt vắng vẻ, chỉ còn Trần Ngọc Lan với bài thơ “Ký phu” khá quen thuộc nhưng lại xuất hiện *phái thơ quái đản* mà Hàn Dũ là lãnh tụ với “Mạnh Giao khổ ngâm”, “Giả Đảo thổi xao”, “Lý Hạ quỷ tài”. Tuy yêu thích lối thơ “quái dị”, nhưng họ lại nổi tiếng và lưu danh nhờ những bài thơ bình dị như Hàn Dũ với “Chỉ Lam quan thị diệt tôn Tương”, Mạnh Giao với “Du tử ngâm”, Giả Đảo với “Tầm ẩn giả bất ngộ”, “Độ Tang Càn”... Ngoài ra, Trương Tịch, Thôi Hộ, Đỗ Thu Nương... cũng được người đời nhắc đến nhờ chất thơ *trữ tình lãng mạn* như “Tiết phụ ngâm”, “Đề tích sở kiến xứ”, “Kim lữ y”...

3.1.3.1-Phái thơ xã hội:

-Bach Cư Di(722-846): Tự Lạc Thiên, hiệu Hương Sơn cư sĩ, người Hạ Khuê, tỉnh Sơn Tây, đậu tiến sĩ, làm quan đến Thượng thư bộ Hình. Có lần bị biếm làm Tư mã Giang Châu, nhân đó sáng tác bài *Tỳ bà hành*. Là nhà thơ hiện thực nổi tiếng thời Trung Đường, nhưng lại được người đời mến mộ nhờ những bài thơ thương cảm như *Tỳ bà hành*, *Trường hận ca*. Thơ *Điếu Bạch Cư Di* (Đường Tuyên Tông) có câu:

Đồng tử giai ngâm *Trường hận* khúc,
 Hồ nhi năng xướng *Tỳ bà* thiên.
 (Trẻ con đều biết ngâm *Trường hận*,
 Rợ Hồ cũng thạo *Tỳ bà* thiên).

1.Khinh phì

Ý khí kiêu mãn lộ,
 Yên mã quang chiếu trần.
 Tá vấn hà vi giả?
 Nhân xưng thị nội thân.
 Chu phát giai đại phu,
 Tử thụ hoặc tướng quân.
 Khoa phó quân trung yển,
 Tẩu mã khứ như vân.
 Tôn lôi dật cử uấn,
 Thủy lục la bát trần.
 Quả phách Động Đình quất,
 Khoái thiết Thiên Trì lân.
 Thực bảo tâm tự nhược,
 Tửu hàm khí ích chân.
 Thị tuế Giang Nam hạn,
 Cù Châu nhân thực nhân.

2.Tam niên biệt

Du du nhất biệt dĩ tam niên,
 Tương vọng tương tư minh nguyệt thiên.
 Trường đoạn thanh thiên vọng minh nguyệt,
 Biệt lai tam thập lục hồi viên.

3.Tự khuyên

Ưc tích cơ bản ứng cử niên,
 Thoát y điển tửu Khúc Giang biên.

Nhẹ béo

Đầy đường dáng bộ con cưng,
 Ngựa yên bóng loáng sáng trưng bụi hồng.
 Hỏi: làm chi đó những ông?
 Người ta rằng những quan trong đó mà.
 Dải điều đều Đại phu ta,
 Mà đeo dải tía hoặc là tướng quân.
 Nghênh ngang đi chén trong quân,
 Rộn ràng vó ngựa chạy vùn như mây.
 Vò, ang chín thứ rượu đầy,
 Hải sơn tám bát cổ bày linh tinh.
 Quả dâm quít hái Động Đình,
 Cá Thiên Trì thái đơm thanh gỏi ngon.
 An no khoan khoái tâm hồn,
 Rượu say ý khí hùng hồn càng thêm.
 Năm nay hạn hán Giang Nam,
 Cù Châu người mở người làm thức ăn.

(Tản Đà dịch)

Ba năm xa cách

Xa nhau một chuyến ba năm,
 Ngóng nhau chung bóng trăng rằm nhớ nhau
 Trời xanh trăng sáng lòng đau,
 Ba mươi sáu độ, trước sau trăng tròn.

(Tản Đà dịch)

Tự khuyên mình

Nhớ xưa nghèo túng lúc khoa thi,
 Bến Khúc thêm men, cố áo đi.

Thập thiên nhất đầu do xa ảm,
Hà huống quan cung bất trị tiền.

4.Lâm giang tống Hạ Chiêm

Bi quân lão biệt, lệ triêm cân
Thất thập vô gia vạn lý thân.
Sầu kiến chu hành phong hựu khởi,
Bạch đầu lãng lý bạch đầu nhân.

5.Tỳ bà hành

Nguyên Hòa thập niên, dư tả thiên
Cửu Giang quận Tư mã. Minh niên thu, tống khách
Bồn Phố khẩu, văn chu trung dạ đàn tỳ bà giả.
Thính kỳ âm tranh tranh nhiên hữu Kinh đô thanh.
Vấn kỳ nhân, bản Trường An xướng nữ, thường học
tỳ bà vu Mục, Tào nhị thiện tài. Niên trưởng sắc
suy, ủy thân vi cổ nhân phụ. Toại mệnh tửu, sử
khoái đàn sổ khúc. Khúc bãi, mẫn nhiên. Tự tự
thiếu tiểu thời hoan lạc sự. Kim phiêu luân tiêu tụy,
chuyển tỳ vu giang hồ gian.

Dư xuất quan nhị niên, điềm nhiên
tự an, cảm tư nhân ngôn, thị tịch thủy giác thiên
trích ý. Nhân vi trường cú, ca dĩ tặng chi. Phạm lục
bách nhất thập nhị ngôn, mệnh viết: “Tỳ bà hành”.

Tâm Dương giang đầu dạ tống khách,
Phong diệp dịch hoa thu sắt sắt.
Chủ nhân hạ mã khách tại thuyền,
Cử tửu dục ảm vô quản huyền.
Túy bất thành hoan thẩm tương biệt,
Biệt thời mang mang giang tẩm nguyệt.
Hốt văn thủy thượng tỳ bà thanh,
Chủ nhân vong quy khách bất phát.
Tâm thanh ám vấn đàn giả thù?
Tỳ bà thanh đình dục ngữ trì.
Di thuyền tương cận yêu tương kiến,
Thiêm tửu hồi đăng trùng khai yển.
Thiên hô vạn hoán thủy xuất lai,
Do bão tỳ bà bán già diện.
Chuyển trục bát huyền tam lưỡng thanh,
Vị thành khúc điệu tiên hữu tình.
Huyền huyền yểm ức thanh thanh tứ,
Tự tố bình sinh bất đắc chí.
Đê mi tín thủ tục tục đàn,
Thuyết tận tâm trung vô hạn sự.
Khinh lũng mạn nhiên mặt phục khiêu,

Đấu rượu nghìn đồng quen uống đất,
Nửa chi lộc nước mất tiền chi !

(Tản Đà dịch)

Tới sông tiễn Hạ Chiêm

Muôn dặm thương anh lệ biệt sầu,
Bảy mươi tuổi tác cửa nhà đau?
Buồn trông trận gió theo thuyền nổi,
Sóng bạc đầu quanh khách bạc đầu.

(Tản Đà dịch)

Tỳ bà hành

Năm thứ 10 niên hiệu Nguyên Hòa,
ta bị biếm làm Tư mã quận Cửu Giang. Mùa thu năm
sau, tiễn khách ở cửa sông Bồn Phố, đêm nghe tiếng
đàn tỳ bà trong thuyền. Nghe tiếng đàn thánh thót có
vẻ tiếng chốn kinh đô. Hỏi người đàn, thì vốn là ca
nữ đất Trường An, đã từng học đàn tỳ bà ở hai thiện
tài họ Mục, họ Tào. Tuổi cao sắc giảm, nàng mới gá
thân làm vợ khách lái buôn. Ta liền sai bày tiệc
rượu, khiến gảy vài khúc. Đàn xong, nàng búi ngủi,
tự kể niềm hoan lạc thời tuổi trẻ, nay phiêu linh tiêu
tụy, trôi giạt chốn giang hồ.

Ta ra làm quan ở chốn ngoài đã

hai năm, nổi niềm cũng đã nguôi ngoai,
nay cảm thương lời nàng, đêm ấy mới chạnh niềm
biếm trích. Nhân đó sáng tác bài thơ trường thiên,
phổ lời ca để tặng nàng, dài 612 lời, gọi tên là “Tỳ
bà hành”.

Bến Tâm Dương canh khuya đưa khách,
Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu.
Người xuống ngựa khách dừng chèo,
Chén quỳnh mong cạn nhớ chiều trúc ti
Say những luống ngại khi chia rẽ,
Nước mênh mông đượm vẻ trăng trong.
Tiếng tỳ nghe vắng bên sông,
Chủ khuây khỏa lại khách dùng dằng xuôi.
Lần tiếng khẽ hỏi ai đàn tá?
Dừng dây tơ nấn ná làm thỉnh.
Dời thuyền ghé lại thăm tình,
Chong đèn thêm rượu còn dành tiệc vui.
Mời mọc mãi thấy người bỡ ngỡ,
Tay ôm đàn che nửa mặt hoa.
Vận đàn mấy tiếng dạo qua,
Khúc tuy chưa trọn tình đà thoáng hay.
Nghe nã nuốt mấy dây buồn bực,
Dường than niềm tấc tức bấy lâu.
Mây chau tay gảy khúc sầu,

Sơ vi “Nghê thường” hậu “Lục yêu”
 Đại huyền tào tào như cấp vũ,
 Tiểu huyền thiết thiết như tư ngữ.
 Tào tào thiết thiết thác tạp đàn,
 Đại châu tiểu châu lạc ngọc bàn.
 Gian quan oanh ngữ hoa để hoạt,
 U yết tuyên lưu thủy hạ than.
 Thủy tuyến lãnh sáp huyền ngưng tuyết,
 Ngưng tuyết bất thông thanh tiệp yết.
 Biệt hữu u tình ám hận sinh,
 Thử thời vô thanh thắng hữu thanh.
 Ngân bình xạ phá thủy tương bính,
 Thiết kỵ đột xuất đao thương minh.
 Khúc chung châu bát đương tâm hoạch,
 Tứ huyền nhất thanh như liệt bạch.
 Đông thuyền tây phảng tiểu vô ngôn,
 Duy kiến giang tâm thu nguyệt bạch.
 Trâm ngâm phóng bát sáp huyền trung,
 Chính đốn y thường khởi liễm dung.
 Tự ngôn: “bản thị kinh thành nữ,
 Gia tại Hà Mô lãng hạ trú.
 Thập tam học đắc từ bà thành,
 Danh thuộc giáo phường đệ nhất bộ.
 Khúc bãi thường giáo thiện tài phục,
 Trang thành mỗi bị thu nương đổ.
 Ngũ Lãng niên thiếu tranh triền đầu,
 Nhất khúc hồng tiêu bất tri số.
 Điền đầu ngân từ kích tiết toái,
 Huyết sắc la quần phiến tửu ố.
 Kim niên hoan tiểu phục minh niên,
 Thu nguyệt xuân phong đẳng nhân độ.
 Đệ tửu tòng quân a di tử,
 Mộ khứ triều lai nhan sắc cố.
 Môn tiền lãnh lạc xa mã hi,
 Lão đại giá tác thương nhân phụ.
 Thương nhân trọng lợi khinh biệt li,
 Tiền nguyệt Phù Lương mãi trà khứ.
 Khứ lai giang khẩu thủ giang thuyền,
 Nhiều thuyền minh nguyệt giang thủy hàn.
 Dạ thâm hốt mộng thiếu niên sự,
 Mộng đề trang lệ hồng lan can”.
 Ngã văn từ bà dĩ thán tức,
 Hựu văn thử ngữ trùng tức tức.
 Đồng thị thiên nhai lưu lạc nhân,

Giải bày hết nỗi trước sau muôn vàn.
 Ngón buông bắt khoan khoan diu dặt,
 Trước Nghê thường sau thoát Lục yêu.
 Dây to dường đổ mưa rào,
 Nỉ non dây nhỏ như trò chuyện riêng.
 Tiếng cao thấp lưa chen lẫn gảy,
 Mâm ngọc đâu bỗng nảy hạt châu.
 Trong hoa oanh riu rít nhau,
 Suối tuôn róc rách chảy mau xuống ghềnh.
 Nước suối lạnh dây màn ngừng đứt,
 Ngừng đứt nên phứt bật tiếng tơ.
 Om sầu mang giận ngăn ngợ,
 Tiếng tơ lặng ngắt bây giờ càng hay.
 Bình bạc vỡ tuôn đầy dòng nước,
 Ngựa sắt giong xô sát tiếng đao.
 Cung đàn lưa khúc thanh tao,
 Tiếng buông xé lưa lưa vào bốn dây.
 Thuyền mây lá đông tây lặng ngắt,
 Một vàng trăng trong vắt lòng sông.
 Ngâm ngùi đàn bát xếp xong,
 Áo xiêm khấp nép hầu mong giải lời.
 Rằng:” Xưa vốn là người kẻ chợ,
 Còn Hà Mô trú ở lân la.
 Học đàn từ thừa mười ba,
 Giáo phường đệ nhất chỉ đà chép tên.
 Gã thiện tài sợ phen dừng khúc,
 Gã thu nương ghen lúc điểm tô.
 Ngũ Lãng, chàng trẻ ganh đua,
 Biết bao the thắm chuốc mua tiếng đàn.
 Vành lược bạc gãy tan nhíp gỗ,
 Bức quần hồng hoen ố rượu rơi.
 Năm năm lần lửa vui cười,
 Mải trắng hoa, chẳng đoái hoài xuân thu.
 Buồn em thấy lại lo đi thác,
 Sầu hôm mai đổi khác hình dong.
 Cửa ngoài xe ngựa vắng không,
 Thân già mới kết duyên cùng khách thương.
 Khách trọng lợi khinh đường li cách,
 Mải buôn chè sớm tịch nguồn khơi.
 Thuyền không bến đậu mặc ai,
 Quanh thuyền trănggiãi nước trôi lạnh lùng.
 Đêm khuya, sức nhớ vòng tuổi trẻ,
 Chợt mơ màng dòng lệ đỏ hoen”.
 Nghe đàn ta đã chạnh buồn,
 Lại rầu nghe nỗi nỉ non mấy lời.

Tương phùng hà tất tăng tương thức.
 “Ngã tòng khứ niên từ đế kinh,
 Trích cư ngoạ bệnh Tâm Dương thành.
 Tâm Dương địa tịch vô âm nhạc,
 Chung tước bất văn ti trúc thanh.
 Trú cận Bồn giang địa đê thấp,
 Hoàng lô khổ trúc nhiều trạch sinh.
 Kỳ gian đán mộ văn hà vật?
 Đỗ quyên đề huyết viên ai minh.
 Xuân giang hoa triêu thu nguyệt dạ,
 Vãng vãng thủ tửu hoàn độc khuynh.
 Khởi vô sơn ca dữ thôn địch,
 Ẩu á trào triết nan vi thính.
 Kim dạ văn quân tì bà ngữ,
 Như thính tiên nhạc nhĩ tạm minh.
 Mạc từ cánh tọa đàn nhất khúc,
 Vị quân phiên tác *Tì bà hành*”.
 Cảm ngã thử ngôn lương cửu lập,
 Khước tọa thúc huyền, huyền chuyển cấp.
 Thê thê bất tự hưởng tiền thanh,
 Mãn tọa trùng văn giai yếm khắp.
 Tọa trung khắp hạ thùy tối đa?
 Giang Châu tư mã thanh sam thấp.

*Cùng một lúa bên trời lặn đặng,
 Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau.
 “Từ xa kinh khuyết bấy lâu,
 Tâm Dương đất trích gói sầu hôm mai.
 Chốn cùng tịch lấy ai vui thích,
 Tai chẳng nghe đàn địch cả năm.
 Sông Bồn gần chốn cát lằm,
 Lau vàng trúc võ âm thâm quanh hiên.
 Tiếng chi đó nghe liền sớm tối,
 Cuộc kêu sầu vượn hót veo von.
 Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn,
 Lần lần tay chuốc chén son ngập ngừng.
 Há chẳng có ca rừng, địch nội,
 Giọng líu lo buồn nổi khó nghe.
 Tì bà nghe dạo canh khuya,
 Dường như ca nhạc gần kề bên tai.
 Hãy ngồi lại gảy chơi khúc nữa,
 Sẽ vì nàng soạn sửa bài ca”..
 Đứng lên đường cảm lời ta,
 Lại ngồi lựa phím đàn đà kíp dây.
 Nghe nã nuốt khác dây đàn trước,
 Khấp tiệp hoa suốt suốt lệ rơi.
 Lệ ai chan chứa hơn người?
 Giang Châu tư mã đượm mùi áo xanh.*
 (Phan Huy Vịnh dịch)

-Lý Thân:

Mẫn nông

Kỳ nhất

Sừ hòa nhật đương ngoạ,
 Hãn trích hòa hạ thổ;
 Thùy tri bàn trung xan,
 Lạp lạp giai tân khổ.

Kỳ nhị

Xuân chủng nhất lạp túc,
 Thu thu vạn khóa tử;
 Tứ hải vô nhàn điền,
 Nông dân do ngoạ tử.

Thương nhà nông

Bài 1

Bừa lúa trời đứng bóng,
 Mồ hôi đổ xuống ruộng.
 Ai biết cơm trong mâm,
 Hạt hạt đều cay đắng!

Bài 2

Một hạt mùa xuân gieo,
 Muôn hạt mùa thu hái.
 Bốn biển không đất hoang,
 Nhà nông còn chết đói !

3.1.3.2-Phái thơ sơn thủy điền viên:

-Vi Ứng Vật(736-780): Người huyện Trường An(nay thuộc tỉnh Thiểm Tây), làm quan trải 2 triều Huyền Tông, Túc Tông. Là nhà thơ phái sơn thủy điền viên.

Hiệu Đào Bành Trạch

Sương lạc tụy bách thảo,

Bất chúc ông Đào Bành Trạch

Sương sa hoa cỏ rạc,
 Riêng một cúc tươi bông.